

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hiền.
2. Ông Nguyễn Hữu Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến T, sinh năm 1972; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1976; Nơi đăng ký HKTT và cư trú cuối cùng: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt do đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn anh Đỗ Tiến T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/01/1995 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, rượu chè, lô đề, cờ bạc, không tu trí làm ăn. Đến ngày

20/4/2018 chị Th đã bỏ đi khỏi nơi cư trú (thôn N, xã A, huyện B) không liên lạc với anh. Anh đã nhiều lần, tìm mọi cách để liên lạc, tìm kiếm chị Th nhưng không có kết quả. Tháng 5/2020, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tuyên bố chị Th mất tích. Ngày 08/10/2020, Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên bố chị Th mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Đỗ Thị Th, sinh ngày 14/10/1995; Đỗ Trà M, sinh ngày 23/10/1997; Đỗ Văn N, sinh ngày 01/11/1999. Hiện các cháu Th, M, N đã trưởng thành, lao động tự lập và đã có gia đình riêng. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh T xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Do chị Th mất tích nên không có quan điểm về việc anh T xin ly hôn chị Th.

* Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam có quan điểm:

- Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng (do mất tích trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án).

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Xử cho anh Đỗ Tiến T ly hôn chị Bùi Thị Th.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình kiện ly hôn; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Do chị Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Tiến T và chị Bùi Thị Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/01/1995 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được khoảng 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th thường

xuyên tạt tập bạn bè ăn chơi, rượu chè, lô đề, cờ bạc, không tu trí làm ăn. Đến ngày 20/4/2018 chị Th đã bỏ đi khỏi nơi cư trú (thôn N, xã A, huyện B) không liên lạc với anh T, anh không biết chị Th làm gì, ở đâu nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tuyên bố chị Th mất tích.

Ngày 08/10/2020, Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp và tuyên bố chị Th mất tích. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của anh T; tại biên bản làm việc với Tòa án, chính quyền xã A và thôn N đều xác định kể từ khi Tòa án tuyên bố chị Th mất tích đến nay chị Th không trở về địa phương; không ai có thông tin gì về chị Th; tại biên bản cung cấp ngày 10/11/2020 bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ chị Th cũng xác định kể từ khi Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố chị Th mất tích thì gia đình cũng không ai có tin tức gì của chị Th. Do chị Th mất tích nên khả năng vợ chồng anh T chị Th đoàn tụ là không còn. Do vậy, cần xử cho anh T ly hôn chị Th là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Đỗ Tiến T và chị Bùi Thị Th có 03 con chung là các cháu: Đỗ Thị Th, sinh ngày 14/10/1995; Đỗ Trà M, sinh ngày 23/10/1997; Đỗ Văn N, sinh ngày 01/11/1999. Hiện các cháu Th, M, N đã trưởng thành, lao động tự lập và đã có gia đình riêng; Ly hôn, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh T xác định không đề nghị Tòa án giải quyết và chị Th mất tích, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Đỗ Tiến T ly hôn chị Bùi Thị Th.
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Tiến T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai

số AA/2015/0002545 ngày 09/11/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh T phải chịu (anh T đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho anh Đỗ Tiến T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho chị Bùi Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lương Thị Ngọc

